

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 8320 /UBND-VX
V/v chủ trương mua sắm khí y tế,
hóa chất, vật tư y tế lần 3 năm
2022 của Bệnh viện Hữu nghị
đa khoa Nghệ An

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 24 tháng 10 năm 2022

Kính gửi:

- Sở Y tế;
- Sở Tài chính;
- Bệnh viện Hữu nghị đa khoa,

tỉnh Nghệ An.

Xét đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 4155/SYT-QLD ngày 17/10/2022 về việc chủ trương mua sắm khí y tế, hóa chất, vật tư y tế lần 3 năm 2022 của Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An,

UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chủ trương để Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An tiến hành mua sắm 963 mặt hàng (843 loại mặt hàng) hóa chất, vật tư y tế, sinh phẩm và các mặt hàng, với tổng kinh phí dự kiến: 124.801.576.633 đồng, trong đó:

- Vật tư y tế mua sắm thuộc Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ Y tế gồm 327 mặt hàng (268 loại mặt hàng), với kinh phí dự kiến: 56.688.042.350 đồng.

- Các hàng hoá khác không thuộc Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ Y tế gồm 636 mặt hàng (575 loại mặt hàng), với kinh phí dự kiến: 68.113.534.283 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2)

- Nguồn kinh phí: Nguồn thu từ dịch vụ khám, chữa bệnh do Quỹ bảo hiểm y tế chi trả và từ người bệnh chi trả và các nguồn thu khác của Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An;

2. Giao Sở Y tế, Sở Tài chính hướng dẫn Bệnh viện Hữu nghị đa khoa thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định; Việc mua sắm đảm bảo phù hợp với định mức, tiêu chuẩn, chất lượng, hiệu quả. Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An chịu trách nhiệm về danh mục, tiêu chuẩn kỹ thuật và giá mặt hàng mua sắm./. *VB*

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- PCT VX UBND tỉnh;
- CVP, PCVP VX UBND tỉnh;
- Lưu: VT-UB, KG-VX (TP, P).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Đình Long

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ MUA SẮM CỦA BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ
ĐA KHOA NGHỆ AN LẦN 3 NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số 8320 /UBND-VX ngày 24 /10/2022 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
1	Băng cố định khớp	1	Cuộn	800
2	Băng vô trùng	2	Miếng	400
3	Bao cao su dùng cho đầu dò	1	Cái	500
4	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng	1	Bộ	5
5	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống không có bóng	1	Bộ	10
6	Bộ dẫn lưu dịch não tủy não thất ổ bụng	1	Bộ	30
7	Bộ dẫn lưu dịch não tủy ngoài kèm catheter dẫn lưu não thất	1	Bộ	40
8	Bộ đặt dẫn lưu ổ dịch	1	Bộ	5
9	Bộ dây bơm nước dùng cho phẫu thuật nội soi cột sống	1	Bộ	30
10	Bộ dây dẫn truyền, chọc dò khí màng phổi	1	Bộ	5
11	Bộ dây đo áp lực nội sọ và nhiệt độ thân não tại não thất	1	Bộ	10
12	Bộ dây đo áp lực nội sọ và nhiệt độ thân não tại nhu mô não	1	Bộ	20
13	Bộ dây stent nhựa	1	Bộ	1
14	Bộ đo áp lực nội sọ	1	Bộ	10
15	Bộ dụng cụ đồ xi măng cột sống không bóng	2	Bộ	30
16	Bộ khớp gối toàn phần cắt dây chằng chuyên biệt cho chân trái và chân phải	1	Bộ	3
17	Bộ khớp háng bán phần không xi măng chuỗi dài cổ rời	1	Bộ	10
18	Bộ khớp háng bán phần không xi với chuỗi cổ liền, phủ toàn phần HA	1	Bộ	10
19	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng	2	Bộ	25
20	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chỏm Ceramic	1	Bộ	5
21	Bộ kim cột sống	1	Bộ	60
22	Bộ kit bơm xi măng có bóng	1	Bộ	2

12

TT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
23	Bộ thắt dẫn tĩnh mạch thực quản	1	Bộ	8
24	Bộ trộn xi măng kín kèm theo syringe bơm	1	Bộ	20
25	Bơm tiêm 3 nấc	3	Hộp/Cái	3.554
26	Bơm tiêm cân quang 1 nòng	1	Bộ	400
27	Bơm tiêm nha khoa	1	Cái	2
28	Bóng kéo sỏi đường mật	1	Cái	2
29	Bóng nong thân đốt sống	1	Cái	2
30	Cáp lazer	1	Cái	30
31	Chỉ khâu gân	1	Sợi	100
32	Chỉ siêu bền	1	Sợi	30
33	Chỉ thép mềm kết hợp xương	1	Cuộn	50
34	Clip cầm máu trong nội soi tiêu hóa	1	Cái	700
35	Clip polymer	1	Cái	3.000
36	Dẫn lưu áp lực âm	1	Hộp	1.500
37	Dẫn lưu não thất ổ bụng	1	Cái	20
38	Dẫn lưu não thất ra ngoài	1	Cái	30
39	Dẫn lưu não thất ra ngoài tẩm kháng sinh	1	Cái	10
40	Dao Cắt Cơ Vòng	1	Cái	5
41	Dao cắt tiêu bản	1	Hộp	800
42	Đầu côn hút AND/ARN đã tách chiết ở máy tách chiết CAP	1	Thùng	10
43	Đầu côn và công xét nghiệm	1	Hộp	50
44	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	1	Cái	500
45	Dây cưa sọ não	1	Cái	500
46	Dây dẫn đường trong can thiệp mật, tụy	1	Cái	5
47	Dây dẫn lưu ổ bụng	1	Cái	2.000
48	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	2	Cái	250
49	Dây nối bơm tiêm điện dùng cho bơm thuốc cân quang	1	Cái	15.000
50	Đĩa đệm cột sống cổ	1	Cái	15
51	Điện cực dán đo dẫn truyền	1	Cặp	500
52	Điện cực đất loại dán	1	Cái	500
53	Điện cực kim đồng tâm	1	Cái	250
54	Điện cực radio dùng cho phẫu thuật nội soi cột sống	1	Cái	30
55	Đinh vít ne kết hợp xương	1	Cái	600
56	Đinh nội tủy liên máu chuyển xương đùi	1	Cái	10

TT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
57	Đinh nội tủy rỗng nòng	2	Cái	25
58	Đinh nội tủy xương đùi, xương chày	1	Cái	20
59	Đinh xương chày rỗng	1	Cái	5
60	Đinh xương đùi rỗng	1	Cái	10
61	Dung dịch khử khuẩn, nấm dùng cho tủ ấm CO2	1	Bình	4
62	Dung dịch khử khuẩn, nấm dùng để lau sàn	1	Bình	1
63	Dung dịch rửa tay, khử khuẩn	1	Bình	10
64	Gạc củ ấu	1	Cái	10.000
65	Găng kiểm tra không bột	1	Đôi	30.000
66	Găng tay không bột tiết trùng	1	Hộp	1.000
67	Kẹp cầm máu	1	Cái	700
68	Khớp gối	1	Bộ	5
69	Khớp gối toàn phần có ximăng, có vitamin E	1	Bộ	10
70	Khớp háng bán phần	1	Bộ	15
71	Khớp háng bán phần chuỗi dài	1	Bộ	5
72	Khớp háng bán phần không xi măng	2	Bộ	25
73	Khớp háng bán phần không xi măng chuỗi hình thang	1	Bộ	10
74	Khớp háng bán phần không xi măng, góc cổ 130 độ	1	Bộ	10
75	Khớp háng toàn phần	1	Bộ	15
76	Khớp háng toàn phần chuỗi dài	1	Bộ	3
77	Khớp háng toàn phần không xi măng	2	Bộ	20
78	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic	1	Bộ	10
79	Khớp háng toàn phần không xi măng chuỗi alumina	1	Bộ	15
80	Khớp háng toàn phần không xi măng di động kép	1	Bộ	6
81	Khớp háng toàn phần không xi măng Metal on PE có Vitamin E, góc cổ 130 độ	1	Bộ	10
82	Khớp háng toàn phần không xi măng, chỏm Ceramic	1	Bộ	15
83	Khung cố định ngoài cẳng chân	1	Bộ	10
84	Khung Cố định ngoài gần khớp	1	Bộ	30
85	Khung Cố định ngoài khung chậu	1	Bộ	5
86	Kim chọc dò	1	Cái	20

TT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
87	Kim chọc dò cuống sống	3	Cái	80
88	Kim chọc hút trứng	1	Cái	500
89	Kim giữ phôi, giữ noãn 30 độ	1	Cái	200
90	Kim giữ trứng	3	Chiếc/Cái	1.100
91	Kim sinh thiết	2	Cái	35
92	Kim sinh thiết phôi	1	Cái	100
93	Kim tiêm cầm máu	1	Cái	5
94	Kim, khóa, kẹp (clip, clamp)	1	Cái	120
95	Lưỡi bào khớp	2	Cái	250
96	Lưỡi bào mài xương	1	Cái	30
97	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio Frequency	1	Cái	50
98	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio loại đầu vuông	1	Cái	200
99	Lưới vá khuyết sọ	1	Miếng	10
100	Miếng ghép cổ trước liền xương nhân tạo	1	Cái	15
101	Miếng ghép cột sống cổ	1	Cái	20
102	Miếng ghép cột sống lưng	3	Cái	100
103	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ	2	Cái	14
104	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng	2	Cái	10
105	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng ngực	1	Cái	5
106	Miếng ghép đĩa đệm kèm theo vít	1	Cái	20
107	Miếng vá khuyết sọ	4	Cái	45
108	Miếng vá khuyết sọ titan	2	Miếng	25
109	Mũi khoan có chức năng lật khoan ngược	1	Cái	5
110	Mũi khoan ngược	1	Cái	10
111	Mũi khoan răng	3	Vi/Hộp	90
112	Mũi mài tròn kim cương dùng cho nội soi cột sống	1	Cái	10
113	Mũi mài tròn rãnh khê dùng cho nội soi cột sống	1	Cái	10
114	Nẹp chằm	2	Cái	14
115	Nẹp cổ trước 1 tầng	1	Cái	2
116	Nẹp cổ trước 2 tầng	1	Cái	5
117	Nẹp cổ trước kèm khoá mũ vít	2	Cái	30
118	Nẹp cột sống cổ 1 tầng	1	Cái	5
119	Nẹp cột sống cổ 1 tầng dùng vít nở khóa	1	Cái	5
120	Nẹp cột sống cổ 2 tầng	1	Cái	10

TT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
121	Nẹp cột sống cổ 2 tầng dùng vít nở khoá	1	Cái	10
122	Nẹp DHS kết hợp đầu trên xương đùi	1	Cái	30
123	Nẹp dọc	5	Cái	250
124	Nẹp dọc cổ lồi sau	1	Cái	20
125	Nẹp dọc cột sống lưng	1	Cái	30
126	Nẹp dọc cột sống lưng ngực	1	Cái	20
127	Nẹp dọc thẳng	1	Cái	40
128	Nẹp dọc tròn	1	Cái	30
129	Nẹp dọc uốn sẵn	1	Cái	10
130	Nẹp đóng sọ	1	Cái	50
131	Nẹp đóng sọ titan X (Y kép)	1	Cái	10
132	Nẹp đốt sống cổ trước 1 tầng	1	Cái	2
133	Nẹp đốt sống cổ trước 2 tầng	1	Cái	5
134	Nẹp khóa bản hẹp	1	Cái	5
135	Nẹp khóa bản nhỏ	1	Cái	5
136	Nẹp khóa bản rộng	1	Cái	10
137	Nẹp khóa có đầu trên xương cánh tay	1	Cái	5
138	Nẹp khóa có lỗ vít đa trục đầu dưới xương cẳng tay	1	Cái	5
139	Nẹp khóa có lỗ vít đa trục đầu trên xương cánh tay	1	Cái	5
140	Nẹp khóa có lỗ vít đa trục đầu trên xương chày	1	Cái	5
141	Nẹp khóa có lỗ vít đa trục đầu trên xương đùi	1	Cái	5
142	Nẹp khóa có lỗ vít đa trục đầu xa xương đùi	1	Cái	5
143	Nẹp khóa có lỗ vít đa trục thân xương lớn	1	Cái	5
144	Nẹp khóa có lỗ vít đa trục thân xương nhỏ	1	Cái	5
145	Nẹp khóa có lỗ vít đa trục xương đòn	1	Cái	5
146	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới ngoài xương chày	1	Cái	10
147	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới ngoài xương mác	1	Cái	3
148	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới sau/ngoài xương cánh tay	1	Cái	2
149	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới trong xương cánh tay	1	Cái	2

TT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
150	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay	1	Cái	5
151	Nẹp khóa đa hướng đầu trên ngoài xương cánh tay	1	Cái	5
152	Nẹp khóa đa hướng đầu trên ngoài xương chày	1	Cái	10
153	Nẹp khóa đa hướng gót chân	1	Cái	15
154	Nẹp khóa đầu dưới cánh tay mặt ngoài	1	Cái	3
155	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	1	Cái	10
156	Nẹp khóa đầu dưới xương quay	1	Cái	10
157	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	1	Cái	5
158	Nẹp khóa đầu trên xương chày	2	Cái	30
159	Nẹp khóa đầu trên xương đùi	1	Cái	10
160	Nẹp khóa mini đầu dưới xương quay	1	Cái	5
161	Nẹp khóa xương bản hẹp	1	Cái	5
162	Nẹp khóa xương bản nhỏ	1	Cái	5
163	Nẹp khóa xương bản rộng	1	Cái	10
164	Nẹp khóa xương hình mắt xích	1	Cái	5
165	Nẹp Maxi giữ chỗ	1	Cái	40
166	Nẹp Maxi thẳng	1	Cái	50
167	Nẹp mềm liên gai sau cột sống thắt lưng	1	Cái	5
168	Nẹp mini	1	Cái	5
169	Nẹp Mini thẳng	1	Cái	320
170	Nẹp nổi ngang	1	Cái	20
171	Nẹp nổi ngang cột sống	1	Cái	5
172	Nẹp nổi ngang cột sống cổ sau	1	Cái	5
173	Nẹp nổi ngang xoay đa chiều	1	Cái	5
174	Nẹp nổi Rod	1	Cái	6
175	Nẹp nổi thanh dọc cột sống cổ sau	1	Cái	6
176	Nẹp sọ não	2	Cái	40
177	Nẹp xương bản hẹp	1	Cái	5
178	Nẹp xương bản nhỏ	1	Cái	5
179	Nẹp xương bản rộng	1	Cái	10
180	Nẹp xương hàm mặt, sọ não	3	Cái	90
181	Nẹp xương hình mắt xích	1	Cái	5
182	Nẹp xương lòng máng 1/3	1	Cái	10
183	Nẹp xương sườn	2	Cái	15
184	Ốc khóa trong	1	Cái	60
185	Ốc khóa trong bước ren vuông	1	Cái	60
186	Ốc khóa trong cột sống lưng	1	Cái	120

TT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
187	Ốc khóa trong tự ngắt	1	Cái	20
188	Ổng bơm thuốc cản quang 1 nòng	1	Bộ	600
189	Ổng bơm tiêm thuốc cản quang 2 nòng	1	Bộ	500
190	Ổng chứa AND/ARN để chạy realtime PCR của máy khuếch đại CTM	1	Thùng	5
191	Ổng chứa bệnh phẩm chạy trên máy tách chiết CAP	1	Thùng	25
192	Ổng nghiệm nhựa phi 16 dùng cho máy tự động	1	Cái	40.000
193	Ổng nối bơm xi măng vào vít loăng xương	1	Cái	20
194	Phim X-quang nha khoa rửa nhanh	1	Hộp	20
195	Sản phẩm sinh học thay thế xương	2	Gói	30
196	Sonde JJ niệu quản	3	Cái	115
197	Stent kim loại thực quản	1	Cái	2
198	Thân đốt sống nhân tạo	2	Cái	30
199	Thanh dọc	1	Cái	10
200	Thanh nâng ngực	1	Cái	20
201	Thòng lọng cắt polyp	1	Cái	20
202	Troca nội soi khớp	1	Cái	5
203	Trocal chuyên dụng trong nội soi khớp	1	Cái	5
204	Túi chứa dịch não tủy	1	Bộ	10
205	Van dẫn lưu khí nhân tạo	1	Cái	10
206	Vít chằm	2	Cái	46
207	Vít chỉ neo đôi khâu chóp xoay	1	Cái	10
208	Vít chỉ neo đóng sụn viền	1	Cái	10
209	Vít chỉ neo khâu băng ca	1	Cái	5
210	Vít chỉ neo khâu chóp xoay	2	Cái	20
211	Vít chốt	1	Cái	40
212	Vít chốt định nội tủy xương chày, xương đùi	1	Cái	80
213	Vít chốt Titan	1	Cái	60
214	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu	1	Cái	10
215	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu kích thích mọc xương	1	Cái	15
216	Vít cố định hàm	1	Cái	60
217	Vít cổ sau	1	Cái	190
218	Vít cổ trước	1	Cái	28
219	Vít cột sống đa trục	2	Cái	80
220	Vít cứng	1	Cái	250
221	Vít cứng đa trục cột sống cổ lõi sau	1	Cái	60

TT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
222	Vít đa bắt cố định cột sống	1	Cái	120
223	Vít đa hướng cổ lồi trước	1	Cái	28
224	Vít đa trục	3	Cái	670
225	Vít đa trục cột sống cổ sau	1	Cái	30
226	Vít đa trục cột sống lưng	1	Cái	120
227	Vít đa trục mũ vít bước ren vuông	1	Cái	60
228	Vít đa trục rộng nông	1	Cái	20
229	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân	1	Cái	30
230	Vít đơn trục	2	Cái	90
231	Vít dùng cho nẹp cột sống cổ	1	Cái	60
232	Vít khóa	2	Cái	520
233	Vít khóa cho đỉnh xương chày	1	Cái	20
234	Vít khóa cho đỉnh xương đùi	2	Cái	50
235	Vít khóa đa hướng	3	Cái	340
236	Vít khóa đa trục	1	Cái	400
237	Vít khoá trong	2	Cái	660
238	Vít khóa trong cho vít đa trục rộng nông	1	Cái	20
239	Vít khoá trong cột sống cổ lồi sau	1	Cái	60
240	Vít khóa trong cột sống cổ sau	1	Cái	30
241	Vít khóa trong tự ngắt	1	Cái	100
242	Vít khóa xương	4	Cái	350
243	Vít khóa xương xóp	1	Cái	40
244	Vít loãng xương đa trục rộng nông	1	Cái	30
245	Vít nén ép	1	Cái	30
246	Vít nén xương DHS/DCS	1	Cái	30
247	Vít neo cố định chóp xoay	2	Cái	50
248	Vít neo khâu sụn viền	1	Cái	5
249	Vít nở khóa đa hướng	1	Cái	60
250	Vít ốc khoá trong	1	Cái	200
251	Vít sọ não	1	Cái	450
252	Vít treo cố định dây chằng chéo trên lồi cầu đùi	1	Cái	10
253	Vít treo cố định mảnh ghép gân	1	Cái	15
254	Vít treo mảnh ghép dây chằng điều chỉnh độ dài	1	Cái	100
255	Vít treo mảnh ghép dây chằng điều chỉnh độ dài sử dụng trên xương chày	1	Cái	100
256	Vít tự khoan	1	Cái	400
257	Vít vỏ	2	Cái	20
258	Vít xóp	1	Cái	120

TT	Tên loại hàng hoá	Số lượng mặt hàng	Đơn vị tính	Số lượng
259	Vít xương cứng	2	Cái	400
260	Vít xương DHS/DCS	1	Cái	30
261	Vít xương hàm mặt, sọ não	1	Cái	100
262	Vít xương Maxi	1	Cái	250
263	Vít xương Mini	2	Cái	5.850
264	Vít xương sườn	1	Cái	300
265	Vít xương xóp	2	Cái	70
266	Xi măng xương	1	Hộp	3
267	Xi măng xương sinh học có cản quang	1	Gói	20
268	Xương ghép nhân tạo	1	Gói	20
Tổng cộng: 268 loại mặt hàng, 327 mặt hàng		327		

12

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC HÀNG HOÁ KHÔNG NẪM TRONG THÔNG TƯ 04/2017 MUA
SẢM CỦA BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ ĐA KHOA LẦN 3 NĂM 2022
(Kèm theo Công văn số 8320 /UBND-VX ngày 24 /10/2022 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
1	Hóa chất xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng nhân (ANA) trong máu	1	Hộp	50
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng thể kháng chuỗi kép (DsDNA) trong máu	1	Hộp	50
3	Banh Farabeuf	2	Cái	60
4	Banh phẫu thuật	1	Bộ	30
5	Bình hút dịch chân không	1	Cái	20
6	Bộ chứng cho xét nghiệm định lượng HBV/HCV/HIV-1	1	Hộp	2
7	Bộ dung dịch nhuộm Ziehl- Neelsen	1	Hộp	2
8	Bộ hóa chất chuẩn bị mẫu để phát hiện vi khuẩn lao	1	Hộp	2
9	Bộ hóa chất định tính vi khuẩn lao	1	Hộp	4
10	Bộ kit định lượng HBV DNA	1	Hộp	2
11	Bộ kit định lượng HIV RNA	1	Hộp	2
12	Bộ kit real-time PCR phát hiện đa tác nhân gây bệnh lây truyền qua đường tình dục	2	Test	400
13	Bộ kit real-time PCR phát hiện đa tác nhân gây nhiễm trùng đường hô hấp	4	Test	800
14	Bộ kit real-time PCR phát hiện đa tác nhân gây viêm màng não	3	Test	600
15	Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời SARS-CoV2/Flu A/Flu B/RSV	1	Test	200
16	Bộ kit real-time PCR phát hiện SARS-CoV-2 và biến thể	1	Test	5000
17	Bộ kit tầm soát ung thư cổ tử cung và dịch cơ thể	1	Kit	1.800
18	Bộ lọc	1	Cái	4
19	Bộ lọc Hepa + VOC	1	Cái	4
20	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen	1	Bộ	10
21	Bộ phụ kiện dành cho nội soi cột sống	1	Bộ	30
22	Bộ primer Gene E Realtime vi rút Corona (nCoV)	1	Ống	10

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
23	Bộ primer Gene RdRp Realtime vi rút Corona (nCoV)	1	Ổng	10
24	Bộ probe Gene E Realtime vi rút Corona (nCoV)	1	Ổng	10
25	Bộ probe Gene RdRp Realtime vi rút Corona (nCoV)	1	Ổng	10
26	Bộ tập thở	1	Bộ	50
27	Bóng đèn	1	Cái	16
28	Bóng đèn Halogen	1	Hộp	15
29	Calcium Hydroxyde	1	Lọ	1
30	Cán dao số 3	1	Cái	50
31	Cán dao số 4	1	Cái	50
32	Cán dao số 7	1	Cái	50
33	Cán gương	1	Cái	5
34	Cây đẩy chỉ	1	Cái	2
35	Cây móc chỉ	1	Cái	5
36	Chai cấy máu hiếu khí người lớn	1	Chai	7000
37	Chai cấy máu kỵ khí	1	Chai	7.000
38	Chai cấy máu trẻ em	1	Chai	2.400
39	Chất hàn ống tủy	1	Hộp	3
40	Chất hàn tạm dùng trong nha khoa	1	Lọ	1
41	Chất kích thích tế bào phân chia	1	Lọ	5
42	Chất ly giải hồng cầu	1	Lọ	6
43	Chỉ thị kiểm soát gói hơi nước	1	Chỉ thị	1.600
44	Chỉ thị kiểm tra Bowie - Dick	1	Chỉ thị	100
45	Côn chính cho trám tạo hình ống tủy răng	2	Hộp	6
46	Côn chuẩn	1	Cái	10
47	Cồng đo máy khí máu	1	Hộp	12
48	Cồng phản ứng	3	Hộp	121
49	Cộng trữ phôi	1	Cái	500
50	Cột sắc ký	1	Hộp	3
51	Cuvet phản ứng máy sinh hóa	1	Hộp	3
52	Đầu đánh bóng răng	2	Hộp	16
53	Đầu dò bất thường NST giới tính	1	Bộ	3
54	Đầu dò phát hiện khuếch đại/mất đoạn	1	Lọ	3
55	Đầu dò phát hiện mất đoạn	4	Lọ	12
56	Đầu dò phát hiện mất đoạn/đếm	1	Lọ	3

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
57	Đầu dò phát hiện sự chuyển đoạn/lặp đoạn	2	Lọ	6
58	Dầu Eugenol	1	Lọ	2
59	Đầu lấy vôi răng	1	Hộp	2
60	Đầu tip 0,1-20 μ L	1	Cái	1200
61	Đầu tip 2-200 μ L	1	Cái	3.000
62	Dây 8 giếng PCR của máy LC480/LC96-Hộp gồm 120 dây	1	Hộp	25
63	Dây 8 ống	1	Hộp	1
64	Dây bơm máy miễn dịch	2	Cái	4
65	Dây bơm nhu động	1	Túi	16
66	Dây cáp điện cực kim điện cơ đồng tâm	1	Cái	2
67	Đệm điện cực âm	1	Hộp	2
68	Đệm điện cực dương	1	Hộp	2
69	Đệm pha loăng Giemsa	1	Hộp	1
70	Đèn Halogen	2	Chiếc	7
71	Đĩa chứa mẫu	1	Hộp	2
72	Đĩa nuôi cấy	1	Cái	540
73	Đĩa nuôi cấy 35mm	1	Cái	4.000
74	Đĩa nuôi cấy 4 giếng	1	Cái	1.500
75	Đĩa nuôi cấy 60mm	1	Cái	500
76	Đĩa nuôi cấy 90mm	1	Cái	600
77	Đĩa nuôi cấy vi giọt	1	Cái	400
78	Đĩa thu trứng	1	Cái	1.000
79	Dịch bao	1	Hộp	4
80	Điện cực Chloride	2	Cái/Hộp	19
81	Điện cực Potassium	2	Cái/Hộp	19
82	Điện cực Sodium	2	Cái/Hộp	19
83	Điện cực tham chiếu	2	Cái/Hộp	11
84	Diệt tủy răng	1	Lọ	1
85	Đơn vị xử lý mẫu trên máy tách chiết CAP	1	Hộp	25
86	Dụng cụ bơm tinh trùng vào tử cung	1	Cái	300
87	Dụng cụ chứa cọng trứng phôi loại ngắn	1	Cái	400
88	Dụng cụ chuyển phôi	2	Cái	900
89	Dụng cụ lấy mẫu khí máu vô trùng	1	Hộp	700
90	Dung dịch Albumin huyết thanh người	1	Lọ	3
91	Dung dịch bảo dưỡng	1	Hộp	4
92	Dung dịch bảo dưỡng hàng ngày	1	Hộp	12

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
93	Dung dịch bảo dưỡng khử proteine	1	Hộp	6
94	Dung dịch cất lạnh tức thì	1	Lọ	24
95	Dung dịch chuẩn bị mẫu trên hệ thống máy sinh học phân tử	2	Hộp	4
96	Dung dịch Colcemid trong HBSS	1	Lọ	10
97	Dung dịch đệm tăng cường phản ứng	1	Hộp	84
98	Dung dịch hóa chất xét nghiệm S2	1	Hộp	75
99	Dung dịch hoà mẫu điện di	1	Lọ	2
100	Dung dịch khử khuẩn. nấm dùng cho Tủ cấy CO2 trong phòng IVF	1	Bình	5
101	Dung dịch nhuộm trương	1	Lọ	20
102	Dung dịch nhuộm EA50	1	Chai	2
103	Dung dịch nhuộm OG6	1	Chai	2
104	Dung dịch pha loãng hồng cầu	1	Chai	12
105	Dung dịch phá mẫu vi khuẩn sử dụng để tách chiết acid nucleic	1	Hộp	2
106	Dung dịch rửa	1	Hộp	6
107	Dung dịch rửa bơm gel	1	Hộp	2
108	Dung dịch rửa cho kim hút mẫu	1	Hộp	4
109	Dung dịch rửa để chuẩn bị mẫu	1	Hộp	2
110	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	1	Hộp	2
111	Dung dịch rửa máy	2	Hộp	51
112	Dung dịch sát trùng ống tủy	1	Lọ	1
113	Dung dịch thuốc nhuộm Eosin	1	Chai	20
114	Dung dịch Thuốc nhuộm Hematoxylin	1	Chai	24
115	Hoá chất xét nghiệm Sán lá gan lớn (Fasciola)	1	Hộp	60
116	Gel card 6 giếng định nhóm máu bằng 2 phương pháp và hòa hợp miễn dịch truyền máu cho khối tiểu cầu và huyết tương	1	Card	18000
117	Gel card 6 giếng định nhóm máu và xét nghiệm hóa hợp miễn dịch truyền máu cho khối hồng cầu và máu toàn phần	1	Card	24
118	Gel card 6 giếng làm xét nghiệm D yếu, sàng lọc và định danh KTBT, phản ứng hòa hợp, Coombs trực tiếp	1	Card	24

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
119	Gel card 6 giếng xét nghiệm sàng lọc, định danh kháng thể bất thường và làm phản ứng hòa hợp	1	Card	24
120	Gel card 6 giếng xét nghiệm trong môi trường muối	1	Card	24
121	Gel cắt lạnh bệnh phẩm	1	Chai	8
122	Gel điện di	1	Hộp	2
123	Gel khắc nha khoa	1	Ổng	5
124	Giấy cần	1	Hộp	1
125	Giấy điện tim 12 cần tập	1	Tập	500
126	Giấy in monitor	1	Tập	250
127	Giấy quỳ tím	1	Cái	50
128	Giemsa	1	Chai	9
129	Giếng phản ứng	1	Hộp	200
130	Hạt nhựa lọc nước	1	Lít	52
131	Hoá chất Acetic acid 100%	1	Chai	5
132	Hóa chất chuẩn	1	Hộp	1
133	Hóa chất chuẩn các xét nghiệm về lạm dụng thuốc	2	Hộp	4
134	Hóa chất chuẩn cao cho xét nghiệm điện giải ISE	1	Hộp	30
135	Hóa chất chuẩn chạy Xét nghiệm Fructosamin	1	Hộp	1
136	Hóa chất chuẩn chạy xét nghiệm Prealbumin, Đồng, Aslo	1	Hộp	2
137	Hóa chất chuẩn để định lượng acetaminophen	1	Hộp	2
138	Hóa chất chuẩn định các phương pháp định lượng	1	Hộp	4
139	Hóa chất chuẩn định lượng IGFBP-3	1	Hộp	1
140	Hóa chất chuẩn định lượng SHBG	1	Hộp	1
141	Hóa chất chuẩn nhiều xét nghiệm sinh hóa	1	Hộp	5
142	Hóa chất chuẩn nội xét nghiệm điện giải	2	Hộp	90
143	Hóa chất chuẩn thấp cho xét nghiệm điện giải ISE	1	Hộp	20
144	Hóa chất chuẩn xét nghiệm ACTH	1	Hộp	4
145	Hóa chất chuẩn xét nghiệm AFP	1	Hộp	6
146	Hóa chất chuẩn xét nghiệm AMH	1	Hộp	3
147	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Anti TG	1	Hộp	2

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
148	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Anti-TPO	1	Hộp	2
149	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Anti-TSHR	1	Hộp	2
150	Hóa chất chuẩn xét nghiệm beta 2Microglobulin	1	Hộp	4
151	Hóa chất chuẩn xét nghiệm CA 125	1	Hộp	3
152	Hóa chất chuẩn xét nghiệm CA 15-3	1	Hộp	2
153	Hóa chất chuẩn xét nghiệm CA 19-9	1	Hộp	6
154	Hóa chất chuẩn xét nghiệm CA 72-4	1	Hộp	4
155	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Calcitonin	1	Hộp	1
156	Hóa chất chuẩn xét nghiệm CEA	1	Hộp	5
157	Hóa chất chuẩn xét nghiệm CK-MB	1	Hộp	5
158	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Cortisol	1	Hộp	4
159	Hóa chất chuẩn xét nghiệm C-Peptide	1	Hộp	4
160	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Cyclosporine	1	Hộp	2
161	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Cyfra 21-1	1	Hộp	5
162	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng beta crosslap	1	Hộp	1
163	Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng IL-6	1	Hộp	4
164	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Estradiol	1	Hộp	4
165	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Everolimus	1	Hộp	1
166	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Ferritin	1	Hộp	4
167	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Folate	1	Hộp	1
168	Hóa chất chuẩn xét nghiệm free beta hCG	1	Hộp	2
169	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Free PSA	1	Hộp	3
170	Hóa chất chuẩn xét nghiệm FSH	1	Hộp	3
171	Hóa chất chuẩn xét nghiệm FT3	1	Hộp	1
172	Hóa chất chuẩn xét nghiệm FT4	1	Hộp	4
173	Hóa chất chuẩn xét nghiệm HbA1c	1	Hộp	1
174	Hóa chất chuẩn xét nghiệm HE4	1	Hộp	3
175	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Homocystein	1	Hộp	1
176	Hóa chất chuẩn xét nghiệm IgE	1	Hộp	4
177	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Insulin	1	Hộp	1
178	Hóa chất chuẩn xét nghiệm khả năng liên kết sắt không bão hòa	1	Hộp	2
179	Hóa chất chuẩn xét nghiệm LH	1	Hộp	3
180	Hóa chất chuẩn xét nghiệm NH3/ETH/CO2	1	Hộp	12

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
181	Hóa chất chuẩn xét nghiệm nhóm mỡ	1	Hộp	5
182	Hóa chất chuẩn xét nghiệm nhóm protein	1	Hộp	10
183	Hóa chất chuẩn xét nghiệm NSE	1	Hộp	2
184	Hóa chất chuẩn xét nghiệm PAPP-A	1	Hộp	2
185	Hóa chất chuẩn xét nghiệm PIVKA-II	1	Hộp	1
186	Hóa chất chuẩn xét nghiệm PlGF	1	Hộp	1
187	Hóa chất chuẩn xét nghiệm proBNP	1	Hộp	6
188	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Progesterone	1	Hộp	3
189	Hóa chất chuẩn xét nghiệm ProGRP	1	Hộp	1
190	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Prolactin	1	Hộp	3
191	Hóa chất chuẩn xét nghiệm PSA toàn phần	1	Hộp	4
192	Hóa chất chuẩn xét nghiệm PTH	1	Hộp	3
193	Hóa chất chuẩn xét nghiệm RF	1	Hộp	4
194	Hóa chất chuẩn xét nghiệm SCC	1	Hộp	2
195	Hóa chất chuẩn xét nghiệm sFlt-1	1	Hộp	1
196	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Sirolimus	1	Hộp	1
197	Hóa chất chuẩn xét nghiệm T3	1	Hộp	4
198	Hóa chất chuẩn xét nghiệm T4	1	Hộp	1
199	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Tacrolimus	1	Hộp	3
200	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Testosteron	1	Hộp	2
201	Hóa chất chuẩn xét nghiệm TG	1	Hộp	2
202	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Troponin T hs	1	Hộp	10
203	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Troponin T hs STAT	1	Hộp	1
204	Hóa chất chuẩn xét nghiệm TSH	1	Hộp	4
205	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Vitamin B12	1	Hộp	1
206	Hóa chất chuẩn xét nghiệm Vitamin D toàn phần	1	Hộp	2
207	Hóa chất chuẩn xét nghiệm β -HCG	1	Hộp	4
208	Hóa chất để định lượng acetaminophen	1	Hộp	6
209	Hóa chất để định lượng bổ thể C3 trong huyết thanh và huyết tương	1	Hộp	8
210	Hóa chất để định lượng bổ thể C4 trong huyết thanh và huyết tương	1	Hộp	8
211	Hóa chất để định lượng khả năng liên kết sắt không bão hòa	1	Hộp	2
212	Hóa chất để định lượng CMV IgG	1	Hộp	1

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
213	Hóa chất để định tính và bán định lượng benzodiazepine	1	Hộp	6
214	Hóa chất định lượng beta crosslap	1	Hộp	1
215	Hóa chất định lượng đồng trong huyết thanh/ huyết tương	1	Hộp	8
216	Hóa chất định lượng IGFBP-3	1	Hộp	2
217	Hóa chất định lượng lactate dehydrogenase	1	Hộp	6
218	Hóa chất định lượng SHBG	1	Hộp	2
219	Hóa chất định lượng transferrin trong huyết thanh và huyết tương	1	Hộp	1
220	Hóa chất đo tải lượng virus HBV	1	Hộp	36
221	Hóa chất đo tải lượng virus HCV	1	Hộp	3
222	Hóa chất đo tải lượng virus HIV	1	Hộp	20
223	Hóa chất dùng để định lượng fructosamine trong huyết thanh và huyết tương	1	Hộp	1
224	Hóa chất dùng để làm phản ứng oxidase	1	Hộp	1
225	Hóa chất dung dịch rửa S1	1	Hộp	70
226	Hóa chất hòa loãng mẫu	3	Hộp	23
227	Hóa chất hòa loãng mẫu NaCl 9 %	1	Hộp	5
228	Hóa chất hòa loãng xét nghiệm điện giải	2	Hộp	55
229	Hóa chất kiểm chuẩn	2	Hộp	2
230	Hóa chất kiểm tra chất lượng của các phương pháp định lượng	1	Hộp	2
231	Hóa chất kiểm tra chất lượng nhiều xét nghiệm	2	Hộp	16
232	Hóa chất kiểm tra chất lượng nhiều xét nghiệm (thyroid, hormon)	1	Hộp	4
233	Hóa chất kiểm tra chất lượng nhiều xét nghiệm miễn dịch	1	Hộp	12
234	Hóa chất kiểm tra chất lượng nhiều xét nghiệm sinh hóa mức 1	1	Hộp	26
235	Hóa chất kiểm tra chất lượng nhiều xét nghiệm sinh hóa mức 2	1	Hộp	26
236	Hóa chất kiểm tra chất lượng nhóm dấu ấn ung thư phổi	1	Hộp	6
237	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm AMH	1	Hộp	3

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
238	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Anti CCP	1	Hộp	3
239	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Anti-HAV	1	Hộp	1
240	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Anti-HAV IgM	1	Hộp	1
241	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng CMV IgG	1	Hộp	1
242	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng HBsAg	1	Hộp	3
243	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định tính ái lực của CMV IgG	1	Hộp	1
244	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định tính ái lực của kháng thể IgG kháng Toxoplasma gondii	1	Hộp	1
245	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định tính CMV IgM	1	Hộp	1
246	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Fructosamin	2	Hộp	2
247	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm HbA1c mức bất thường	1	Hộp	1
248	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm HbA1c mức bình thường	1	Hộp	1
249	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm HBsAg	1	Hộp	1
250	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm HE4	1	Hộp	2
251	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Homocystein	1	Hộp	1
252	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm HSV	1	Hộp	1
253	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm khí máu mức 1	2	Hộp	11
254	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm khí máu mức 2	2	Hộp	11
255	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm khí máu mức 3	2	Hộp	11

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
256	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm mức bất thường nhóm protein niệu	1	Hộp	4
257	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm mức bình thường nhóm protein niệu	1	Hộp	4
258	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm NH3/ETH/CO2 mức A	1	Hộp	12
259	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm NH3/ETH/CO2 mức N	1	Hộp	12
260	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm PAPP-A, free beta hCG	1	Hộp	2
261	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm RF	1	Hộp	6
262	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm RUBELLA IGG	1	Hộp	1
263	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm RUBELLA IGM	1	Hộp	1
264	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Syphilis	1	Hộp	1
265	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm tăng trưởng	1	Hộp	1
266	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm ThyroAB	1	Hộp	1
267	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Toxo IgG	1	Hộp	1
268	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Toxo IgM	1	Hộp	1
269	Hóa chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm Troponin	1	Hộp	15
270	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm beta 2 Microglobulin	1	Hộp	4
271	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Everolimus	1	Hộp	1
272	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm PIVKA-II	1	Hộp	1
273	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm Tacrolimus, Sirolimus, Cyclosporine	1	Hộp	5
274	Hóa chất kiểm tra xét nghiệm về lạm dụng thuốc	3	Hộp	6
275	Hóa chất ly giải hồng cầu tự động xét nghiệm HbA1c	1	Hộp	1

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
276	Hóa chất nhuộm huỳnh quang	1	Lọ	3
277	Hóa chất nhuộm nội bào	1	Hộp	1
278	Hóa chất nước tiểu	1	Hộp	100
279	Hóa chất pha loãng	1	Hộp	2
280	Hóa chất rửa bộ phát hiện máy miễn dịch	1	Hộp	300
281	Hóa chất rửa có tính acid cho công phản ứng	1	Hộp	4
282	Hóa chất rửa có tính kiềm cho công phản ứng	1	Hộp	120
283	Hóa chất rửa điện cực	1	Hộp	5
284	Hóa chất rửa kim hút mẫu	2	Hộp	8
285	Hóa chất rửa kim hút thuốc thử	1	Hộp	6
286	Hóa chất rửa kim hút thuốc thử và công phản ứng	1	Hộp	150
287	Hóa chất rửa trước điện hóa phát quang	1	Hộp	220
288	Hóa chất sử dụng trong xét nghiệm xác định genotype	1	Bộ	5
289	Hóa chất tham chiếu xét nghiệm điện giải	2	Hộp	45
290	Hóa chất tham gia phản ứng trước điện hóa phát quang	1	Hộp	300
291	Hóa chất thêm vào nước buồng ủ giảm sức căng bề mặt	1	Hộp	15
292	Hóa chất tiền xử lý mẫu HPV	1	Bộ	5
293	Hóa chất tiền xử lý mẫu mô dùng cho xét nghiệm FISH	1	Bộ	3
294	Hóa chất tiền xử lý mẫu Tacrolimus, Sirolimus, Cyclosporine	1	Hộp	5
295	Hóa chất Varia kiểm tra chất lượng nhiều xét nghiệm	1	Hộp	3
296	Hóa chất xét nghiệm Acid Uric	1	Hộp	50
297	Hóa chất xét nghiệm ACTH	1	Hộp	45
298	Hóa chất xét nghiệm AFP	1	Hộp	120
299	Hóa chất xét nghiệm albumin niệu/ dịch não tủy	1	Hộp	10
300	Hóa chất xét nghiệm Albumin trong máu	1	Hộp	90
301	Hóa chất xét nghiệm ALP	1	Hộp	15
302	Hóa chất xét nghiệm ALT/GPT	1	Hộp	220
303	Hóa chất xét nghiệm AMH	1	Hộp	15

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
304	Hóa chất xét nghiệm Amylase toàn phần	1	Hộp	12
305	Hóa chất xét nghiệm Amylase tụy	1	Hộp	2
306	Hóa chất xét nghiệm Anti CCP	1	Hộp	10
307	Hóa chất xét nghiệm Anti TG	1	Hộp	5
308	Hóa chất xét nghiệm Anti-HAV	1	Hộp	1
309	Hóa chất xét nghiệm Anti-HAV IgM	1	Hộp	1
310	Hóa chất xét nghiệm Anti-TPO	1	Hộp	5
311	Hóa chất xét nghiệm Anti-TSHR	1	Hộp	7
312	Hóa chất xét nghiệm AST/GOT	1	Hộp	220
313	Hóa chất xét nghiệm benzoylecgonine, chất chuyển hóa chính của cocaine	1	Hộp	2
314	Hóa chất xét nghiệm beta 2 Microglobulin	1	Hộp	15
315	Hóa chất xét nghiệm bilirubin toàn phần	1	Hộp	120
316	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	1	Hộp	60
317	Hóa chất xét nghiệm CA 12-5	1	Hộp	10
318	Hóa chất xét nghiệm CA 15-3	1	Hộp	6
319	Hóa chất xét nghiệm CA 19-9	1	Hộp	65
320	Hóa chất xét nghiệm CA 72-4	1	Hộp	25
321	Hóa chất xét nghiệm Calcitonin	1	Hộp	2
322	Hóa chất xét nghiệm Canxi toàn phần	1	Hộp	70
323	Hóa chất xét nghiệm CEA	1	Hộp	50
324	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	1	Hộp	100
325	Hóa chất xét nghiệm CK	1	Hộp	100
326	Hóa chất xét nghiệm CK-MB	1	Hộp	170
327	Hóa chất xét nghiệm Cortisol	1	Hộp	100
328	Hóa chất xét nghiệm C-Peptide	1	Hộp	16
329	Hóa chất xét nghiệm Creatinin	2	Hộp	260
330	Hóa chất xét nghiệm Cyclosporine	1	Hộp	2
331	Hóa chất xét nghiệm Cyfra 21-1	1	Hộp	36
332	Hóa chất xét nghiệm để định lượng amikacin	1	Hộp	2
333	Hóa chất xét nghiệm để định lượng vancomycin	1	Hộp	2
334	Hóa chất xét nghiệm để định tính ái lực của CMV IgG	1	Hộp	1
335	Hóa chất xét nghiệm để định tính CMV IgM	1	Hộp	1

12

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
336	Hóa chất xét nghiệm để phát hiện định tính amphetamine và methamphetamine	1	Hộp	6
337	Hóa chất xét nghiệm để phát hiện định tính cannabinoids	1	Hộp	2
338	Hóa chất xét nghiệm để phát hiện định tính và bán định lượng morphine và các chất chuyển hóa	1	Hộp	6
339	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP	2	Hộp	90
340	Hóa chất xét nghiệm định lượng HBsAg	1	Hộp	25
341	Hóa chất xét nghiệm định tính ái lực của kháng thể IgG kháng Toxoplasma gondii	1	Hộp	1
342	Hóa chất xét nghiệm Estradiol	1	Hộp	25
343	Hóa chất xét nghiệm Ethanol	1	Hộp	50
344	Hóa chất xét nghiệm Everolimus	1	Hộp	1
345	Hóa chất xét nghiệm Ferritin	1	Hộp	70
346	Hóa chất xét nghiệm Ferritin sinh hóa	1	Hộp	1
347	Hóa chất xét nghiệm Folate	1	Hộp	2
348	Hóa chất xét nghiệm free beta hCG	1	Hộp	4
349	Hóa chất xét nghiệm Free PSA	1	Hộp	25
350	Hóa chất xét nghiệm FSH	1	Hộp	12
351	Hóa chất xét nghiệm FT3	1	Hộp	1
352	Hóa chất xét nghiệm FT4	1	Hộp	60
353	Hóa chất xét nghiệm GGT	1	Hộp	40
354	Hóa chất xét nghiệm Glucose	1	Hộp	85
355	Hóa chất xét nghiệm HbA1c	1	Hộp	1
356	Hóa chất xét nghiệm HBsAg	1	Hộp	1
357	Hóa chất xét nghiệm HDL-C, thể hệ 4	1	Hộp	60
358	Hóa chất xét nghiệm HE4	1	Hộp	10
359	Hóa chất xét nghiệm Homocystein	1	Hộp	1
360	Hóa chất xét nghiệm HSV-1 IgG	1	Hộp	1
361	Hóa chất xét nghiệm HSV-2 IgG	1	Hộp	1
362	Hóa chất xét nghiệm IgA	1	Hộp	15
363	Hóa chất xét nghiệm IgE	1	Hộp	45
364	Hóa chất xét nghiệm IgG	1	Hộp	15
365	Hóa chất xét nghiệm IgM	1	Hộp	15
366	Hóa chất xét nghiệm Insulin	1	Hộp	1
367	Hóa chất xét nghiệm Lactat	1	Hộp	220

VB

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
368	Hóa chất xét nghiệm LDL-C	1	Hộp	200
369	Hóa chất xét nghiệm LH	1	Hộp	12
370	Hóa chất xét nghiệm Lipase	1	Hộp	18
371	Hóa chất xét nghiệm Magie	1	Hộp	15
372	Hóa chất xét nghiệm NH3	1	Hộp	15
373	Hóa chất xét nghiệm NSE	1	Hộp	8
374	Hóa chất xét nghiệm PAPP-A	1	Hộp	4
375	Hóa chất xét nghiệm Phospho	1	Hộp	15
376	Hóa chất xét nghiệm PIVKA-II	1	Hộp	2
377	Hóa chất xét nghiệm PlGF	1	Hộp	2
378	Hóa chất xét nghiệm Prealbumin	1	Hộp	15
379	Hóa chất xét nghiệm proBNP	1	Hộp	450
380	Hóa chất xét nghiệm Procalcitonin	1	Hộp	220
381	Hóa chất xét nghiệm Progesterone	1	Hộp	15
382	Hóa chất xét nghiệm ProGRP	1	Hộp	2
383	Hóa chất xét nghiệm Prolactin	1	Hộp	12
384	Hóa chất xét nghiệm Protein niệu/ dịch não tủy	1	Hộp	6
385	Hóa chất xét nghiệm Protein trong máu	1	Hộp	30
386	Hóa chất xét nghiệm PSA toàn phần	1	Hộp	35
387	Hóa chất xét nghiệm PTH	1	Hộp	20
388	Hóa chất xét nghiệm RF	1	Hộp	60
389	Hóa chất xét nghiệm RUBELLA IGG	1	Hộp	1
390	Hóa chất xét nghiệm RUBELLA IGM	1	Hộp	1
391	Hóa chất xét nghiệm Sắt	1	Hộp	48
392	Hóa chất xét nghiệm SCC	1	Hộp	8
393	Hóa chất xét nghiệm sFlt-1	1	Hộp	2
394	Hóa chất xét nghiệm Sirolimus	1	Hộp	1
395	Hóa chất xét nghiệm Syphilis	1	Hộp	1
396	Hóa chất xét nghiệm T3	1	Hộp	50
397	Hóa chất xét nghiệm T4	1	Hộp	4
398	Hóa chất xét nghiệm Tacrolimus	1	Hộp	5
399	Hóa chất xét nghiệm Testosterone	1	Hộp	6
400	Hóa chất xét nghiệm TG	1	Hộp	5
401	Hóa chất xét nghiệm Toxo IgG	1	Hộp	1
402	Hóa chất xét nghiệm Toxo IgM	1	Hộp	1
403	Hóa chất xét nghiệm Triglycerid	1	Hộp	130

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
404	Hóa chất xét nghiệm Troponin T hs	1	Hộp	300
405	Hóa chất xét nghiệm Troponin T hs STAT	1	Hộp	5
406	Hóa chất xét nghiệm TSH	1	Hộp	60
407	Hóa chất xét nghiệm Ure	1	Hộp	50
408	Hóa chất xét nghiệm Vitamin B12	1	Hộp	2
409	Hóa chất xét nghiệm Vitamin D toàn phần	1	Hộp	10
410	Hóa chất xét nghiệm β -HCG	1	Hộp	30
411	Hộp chống sốc nhựa	1	Cái	10
412	Keo dán lamén	2	Chai	24
413	Kẹp phẫu tích có máu	2	Cái	60
414	Kẹp phẫu tích không máu	2	Cái	200
415	Kháng định sinh ESBL ở vi khuẩn	2	Hộp	2
416	Kháng thể Anti HLA-DR	1	Lọ	1
417	Kháng thể Anti-Myeleroxidase	1	Lọ	1
418	Kháng thể CD10	1	Lọ	1
419	Kháng thể CD117	1	Lọ	1
420	Kháng thể CD13	1	Lọ	1
421	Kháng thể CD138	1	Hộp	1
422	Kháng thể CD19	1	Lọ	1
423	Kháng thể CD20	1	Lọ	1
424	Kháng thể CD200	1	Lọ	1
425	Kháng thể CD3	1	Hộp	1
426	Kháng thể CD33	1	Lọ	1
427	Kháng thể CD34	1	Lọ	1
428	Kháng thể CD38	1	Hộp	1
429	Kháng thể CD4	1	Hộp	1
430	Kháng thể CD41	1	Lọ	1
431	Kháng thể CD45	1	Hộp	1
432	Kháng thể CD55	1	Lọ	3
433	Kháng thể CD56	1	Lọ	1
434	Kháng thể CD59	1	Lọ	3
435	Kháng thể CD61	1	Lọ	1
436	Kháng thể CD64	1	Hộp	1
437	Kháng thể CD7	1	Lọ	1
438	Kháng thể CD79a	1	Lọ	1
439	Kháng thể CD8	1	Lọ	1
440	Kháng thể Kappa gắn huỳnh quang FITC	1	Hộp	1

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
441	Kháng thể Lambda gắn huỳnh quang PE	1	Hộp	1
442	Khay gắn mao quản	1	Hộp	2
443	Khay pha loãng hồng cầu	1	Hộp	12
444	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên SARS-CoV-2	2	Test	7.000
445	Khuôn đúc bệnh phẩm có nắp	1	Cái	15.000
446	Kim cây chỉ	1	Cái	1500
447	Kim hút mẫu	1	Chiếc	36
448	Kim ICSI	1	Cái	400
449	Kim ICSI hút nhả tinh trùng	1	Cái	200
450	Kìm mang kim	2	Cái	40
451	Kim tiêm tinh trùng vào bào tương của noãn (ICSI)	1	Cái	400
452	Kit chuẩn giải trình tự	1	Hộp	1
453	Kit đếm tế bào gốc	1	Hộp	1
454	Kit giải trình tự ADN	1	Bộ	2
455	Kit Reatime PCR	1	Bộ	10
456	Kit tách chiết DNA,RNA	1	Hộp	2
457	Kit tách chiết RNA	1	Hộp	2
458	Kit tách chiết Virus hạt từ	3	Test/Bộ	10.034
459	Kit tách RNA virus	1	Bộ	5
460	Kit tinh sạch sản phẩm PCR	1	Ống	2
461	Kit tinh sạch sản phẩm PCR giải trình tự	1	Bộ	2
462	Kit xét nghiệm HLA B27	1	Lọ	3
463	Lọ đựng mẫu tinh dịch	1	Cái	1.000
464	Lọc khí CO2 đầu vào tủ ấm CO2	1	Cái	8
465	Lọc thô	2	Cái	8
466	Lọc túi	2	Cái	8
467	Lõi lọc nước	2	Cái	13
468	Màng lọc	1	Túi/Cái	3
469	Màng lọc Hepa	3	Cái	16
470	Màng lọc RO	1	Cái	5
471	Màng lọc Sơ cấp cho Tủ thao tác	1	Cái	10
472	Mặt gương	1	Cái	2
473	Môi ngược cho gen Rp	1	Ống	10
474	Môi trường chọc hút noãn	1	Lọ	10
475	Môi trường chọn lọc tinh trùng	1	Kit	12

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
476	Môi trường chọn lọc tinh trùng và trứng	1	Kit	30
477	Môi trường chứa Hyaluronidase	1	Hộp	12
478	Môi trường chuẩn bị tinh trùng	1	Lọ	25
479	Môi trường chuyển phôi	1	Kit	30
480	Môi trường cô lập và cố định tinh trùng	1	Hộp	12
481	Môi trường dầu phủ	1	Lọ	10
482	Môi trường đông lạnh tinh trùng	1	Kit	5
483	Môi trường đông phôi	1	Hộp	150
484	Môi trường dùng để phủ đĩa nuôi cấy	1	Lọ	90
485	Môi trường hoạt hóa noãn	1	Lọ	15
486	Môi trường ICSI	1	Lọ	3
487	Môi trường làm sạch cổ tử cung	1	Lọ	45
488	Môi trường nuôi cấy phôi	2	Lọ	58
489	Môi trường nuôi cấy phôi ngày 1-2	1	Lọ	5
490	Môi trường nuôi cấy phôi ngày 3-5	1	Lọ	5
491	Môi trường nuôi cấy tế bào máu ngoại vi	1	Lọ	30
492	Môi trường nuôi cấy tế bào tủy xương	1	Lọ	15
493	Môi trường phân loại tinh trùng	1	Kit	25
494	Môi trường rã phôi	1	Hộp	120
495	Môi trường rửa noãn	1	Lọ	8
496	Môi trường sinh thiết phôi	1	Lọ	5
497	Môi trường tách noãn	1	Hộp	3
498	Môi trường thao tác trứng chứa albumin huyết thanh người (HSA)	1	Lọ	120
499	Môi trường thao tác trứng chứa HSA	1	Lọ	10
500	Môi trường thụ tinh	1	Lọ	100
501	Môi xuôi cho gen Rp	1	Ống	10
502	Nắp đáy đĩa chứa mẫu	1	Túi	2
503	Nắp đáy điện cực	1	Hộp	2
504	Nhiệt kế hồng ngoại đo trán	1	Cái	20
505	Nhiệt kế thủy ngân	1	Cái	500
506	Nitơ y tế	1	Bình	15
507	Nước muối pha huyền dịch vi khuẩn	1	Chai	36
508	Nước siêu sạch để pha mẫu và hóa chất chuẩn bị cho quá trình tách chiết, PCR và điện di	1	Chai	10
509	Ống bơm tinh trùng xanh dài 17 cm	1	Cái	200

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
510	Ống lấy mẫu	3	Túi	27
511	Ống ly tâm đáy nhọn	1	Cái	1.000
512	Ống máu lắng	1	Ống	240
513	Ống môi trường vận chuyển vi rút	1	Ống	1.000
514	Ống nghiệm đáy tròn	2	Cái	4.000
515	Ống thổi giấy đo chức năng hô hấp	1	cuộn	400
516	Ống tuýp pha huyền dịch vi khuẩn	1	Hộp	6
517	Oxy lỏng	1	Kg	620.000
518	Panh phẫu thuật không máu	2	Cái	120
519	Panh phẫu thuật thẳng không máu	1	Cái	20
520	Paraffin hạt tinh khiết	1	Thùng	6
521	Pin đèn nội khí quản	1	Cái	120
522	Pipette hút mẫu	3	Cái	3.300
523	Pipette pasteur	1	Cái	5.000
524	Probe cho gen Rp	1	Ống	10
525	Que khuấy	1	Chiếc	4
526	Que khuấy xoắn	1	Que	7
527	Hóa chất xét nghiệm giun lươn (Strongyloides)	1	Hộp	60
528	Tấm chắn giọt bắn	1	Cái	2.000
529	Test chuẩn âm tính	1	Hộp	10
530	Test chuẩn dương tính	1	Hộp	10
531	Test nhanh chẩn đoán AMP (Amphetamine)	1	Test	200
532	Thanh nhôm giữ tube nhựa trữ lạnh	1	Cái	100
533	Thanh xác định nồng độ ức chế tối thiểu của Amikacin nồng độ 0,016-256 µg/ml	1	Hộp	1
534	Thanh xác định nồng độ ức chế tối thiểu của Benzylpenicillin nồng độ 0,002 - 32 µg/ml	1	Hộp	1
535	Thanh xác định nồng độ ức chế tối thiểu của Cefoxitin nồng độ 0,016-256 µg/ml	1	Hộp	1
536	Thanh xác định nồng độ ức chế tối thiểu của Ceftriaxone nồng độ 0,016-256 µg/ml	1	Hộp	1
537	Thanh xác định nồng độ ức chế tối thiểu của Ciprofloxacin nồng độ 0,002 -32 µg/ml	1	Hộp	1

18

TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
538	Thanh xác định nồng độ ức chế tối thiểu của Clindamycin nồng độ 0,016-256 µg/ml	1	Hộp	1
539	Thanh xác định nồng độ ức chế tối thiểu của Colistin nồng độ 0,016-256 µg/ml	1	Hộp	24
540	Thanh xác định nồng độ ức chế tối thiểu của Fosfomycin nồng độ 0,064 -1024 µg/ml	1	Hộp	1
541	Thanh xác định nồng độ ức chế tối thiểu của Imipenem nồng độ 0,002 - 32 µg/ml	1	Hộp	1
542	Thanh xác định nồng độ ức chế tối thiểu của Meropenem nồng độ 0,002 -32µg/ml	1	Hộp	1
543	Thanh xác định nồng độ ức chế tối thiểu của Metronidazole nồng độ 0,016-256 µg/ml	1	Hộp	1
544	Thanh xác định nồng độ ức chế tối thiểu của Vancomycin nồng độ 0,016-256 µg/ml	1	Hộp	1
545	Thẻ định danh cho Nấm	1	Hộp	24
546	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	1	Hộp	220
547	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	1	Hộp	100
548	Thẻ định danh vi khuẩn Neisseria-Haemophilus	1	Hộp	2
549	Thẻ kháng sinh đồ cho Liên cầu khuẩn	1	Hộp	5
550	Thẻ kháng sinh đồ Nấm	1	Hộp	24
551	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	1	Hộp	220
552	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	1	Hộp	95
553	Thẻ xét nghiệm định tính IgG dạng kết hợp với hồng cầu	1	Hộp	84
554	Thẻ xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO và Rh (D) theo phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu	1	Hộp	200
555	Thẻ xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO, kháng thể bất thường và hòa hợp	1	Hộp	84
556	Thuốc nhuộm Giemsa	1	Chai	5
557	Thuốc nhuộm tiêu bản EA-50	1	Chai	12
558	Thuốc nhuộm tiêu bản Eosin	1	Chai	12
559	Thuốc nhuộm tiêu bản Hematoxylin	1	Chai	12
560	Thuốc nhuộm tiêu bản OG-6	1	Chai	12



TT	Tên loại mặt hàng	Số lượng mặt hàng	ĐVT	Số lượng
561	Toxocara - Giun đũa chó	1	Hộp	60
562	Trâm điều trị tủy răng	1	Hộp	4
563	Tube trữ lạnh	1	Cái	100
564	Túi oxy bọt	1	Cái	20
565	Van mô vệt máy miễn dịch	1	Túi	2
566	Vật liệu phục hồi trám răng	1	Hộp	1
567	Vật liệu trám răng cản quang	1	Hộp	1
568	Vỏ Xy-lanh	1	Cái	4
569	Xét nghiệm định lượng IL-6	1	Hộp	10
570	Xi măng hàn (trám) răng	1	Hộp	4
571	Xi măng trám răng	1	Hộp	1
572	Xy-lanh hút bệnh phẩm	1	Cái	4
573	Xy-lanh hút hóa chất	1	Cái	4
574	Xylene	1	Can	10
575	Zinc Oxyde	1	Lọ	1
Tổng cộng: 575 loại mặt hàng, 636 mặt hàng		636		

18